

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Ông Lê Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29-9-2020 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Vĩ L, sinh năm 1999. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Anh Trần Minh H, sinh năm: 1992. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Vĩ L trình bày:

Chị L và anh Trần Minh H quen biết, tìm hiểu năm 2015, năm 2017 thì tự nguyện về chung sống với nhau. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước năm 2018, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H còn hay chơi bời, không lo làm ăn, không lo kinh tế trong gia đình, không lo cho vợ con. Chị L đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh H không thay đổi khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đập phá đồ đạc trong ai đình, có khi còn đánh vợ. Chị L thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn

muốn kéo dài cuộc sống vợ chồng với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là Trần Uyên N, sinh ngày 10/12/2017. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không có nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H lên làm việc nhưng anh H không có mặt nên không thu thập được ý kiến của anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cơ bản đã thừa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn với anh H, giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Vĩ L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh H cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Vĩ L thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa thấy rằng: anh H và chị L tự nguyện chung sống với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2018. Năm 2019, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh H không lo cho kinh tế trong gia đình, không lo cho vợ con khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau thậm chí còn đánh nhau. Hiện nay chị L không muốn sống chung với anh H nữa. Chị L cho rằng hiện nay hai vợ chồng vẫn còn sống chung là do anh H đe dọa. Tuy chị L không cung cấp được chứng cứ về việc bị anh H đe dọa nhưng điều này cho thấy chị L không có ý muốn

sống chung với anh H nữa. Xét thấy mâu thuẫn của các bên đã trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên không cần thiết kéo dài cuộc sống hôn nhân của chị L và anh H. Yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Uyên N, sinh ngày 10/12/2017. Xét thấy cháu N còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, chị L yêu cầu nuôi cháu Nhi, anh H không thể hiện có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu N nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Đương sự khai không có đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Vĩ L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Vĩ L và anh Trần Minh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 10/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao con chung Trần Uyên N, sinh ngày 10/12/2017 cho chị Bùi Vĩ L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Dương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí: Chị Bùi Vĩ L phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002087 ngày 08/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải